

BÁO CÁO

Sơ kết công tác cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2025 và phương hướng, nhiệm vụ cải cách hành chính ngành Giáo dục và Đào tạo Cát Hải giai đoạn 2026-2030

Căn cứ Quyết định số 2364/QĐ-SGDĐT ngày 21/4/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Kế hoạch sơ kết 05 năm thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030; đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2026-2030 lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Kế hoạch số 124/KH-UBND ngày 26/4/2025 của UBND huyện Cát Hải về sơ kết 05 năm thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Cát Hải;

Căn cứ kết quả triển khai thực hiện, Phòng Giáo dục và Đào tạo báo cáo công tác cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2025 và phương hướng, nhiệm vụ cải cách hành chính ngành Giáo dục và Đào tạo Cát Hải giai đoạn 2026-2030, cụ thể như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI

1. Công tác chỉ đạo điều hành

Trong giai đoạn 2021-2025, ngành Giáo dục và Đào tạo Cát Hải đã nghiêm túc triển khai Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước theo chỉ đạo của UBND huyện, bám sát Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của UBND huyện, Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Hằng năm, ban hành kế hoạch cải cách hành chính⁽¹⁾ với mục tiêu cụ thể, bám sát 6 nội dung cải cách, xác định rõ trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân.

⁽¹⁾ Kế hoạch số 05/KH-PGDĐT ngày 12/01/2021 thực hiện cải cách hành chính ngành giáo dục và đào tạo năm 2021; Kế hoạch số 07/KH-PGDĐT ngày 28/01/2022 thực hiện cải cách hành chính nhà nước năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Cát Hải; Kế hoạch số 15/KH-PGDĐT ngày 24/02/2023 thực hiện cải cách hành chính nhà nước năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Cát Hải; Kế hoạch số 15/KH-PGDĐT ngày 23/02/2024 thực hiện cải cách hành chính nhà nước năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Cát Hải; Kế hoạch số 16/KH-PGDĐT ngày 18/02/2025 về cải cách hành chính năm 2025 trong Ngành Giáo dục huyện.

- Công tác phổ biến, quán triệt được thực hiện thường xuyên thông qua nhiều hình thức: tuyên truyền trong các cuộc họp cơ quan, sinh hoạt chuyên môn và ứng dụng công nghệ thông tin để tuyên truyền.

- Bố trí công chức phụ trách kiêm nhiệm lĩnh vực cải cách hành chính; đảm bảo theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Kinh phí thực hiện cải cách hành chính được cân đối từ nguồn chi thường xuyên và bố trí cho các nhiệm vụ trọng tâm như tin học hóa quản lý giáo dục, đào tạo bồi dưỡng công chức.

- Có 01 sáng kiến được công nhận năm 2022 “Giải pháp đổi mới và nâng cao hiệu quả, chất lượng các hình thức giải quyết thủ tục cấp bản sao Bằng tốt nghiệp Trung học cơ sở thông qua dịch vụ công trực tuyến”.

- Việc khen thưởng, xử lý cán bộ, công chức vi phạm quy định trong thực hiện cải cách hành chính: Không có

- Ngành Giáo dục và Đào tạo đã triển khai hệ thống quản lý văn bản điện tử đồng bộ tại Phòng và 100% các đơn vị trường học. Áp dụng phần mềm “Một cửa điện tử” trong giải quyết các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực giáo dục như chuyển trường, cấp phát bản sao văn bằng chứng chỉ,...

2. Kiểm tra việc thực hiện

- Phòng Giáo dục và Đào tạo đã thực hiện tự kiểm tra công tác cải cách hành chính định kỳ hằng năm; đồng thời tích cực phối hợp với các đoàn kiểm tra của UBND huyện và Sở Giáo dục và Đào tạo⁽²⁾. Qua kiểm tra, đã kịp thời chấn chỉnh những hạn chế trong thực hiện cơ chế một cửa, cập nhật thủ tục hành chính và tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của người dân.

- Việc đánh giá nội bộ về cải cách hành chính được lồng ghép trong đánh giá công chức cuối năm, làm căn cứ phân loại thi đua.

3. Thông tin, tuyên truyền

- Chú trọng tuyên truyền cải cách hành chính đến toàn thể cán bộ, công chức cơ quan và cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong toàn ngành thông qua các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo⁽³⁾, lồng ghép trong các buổi tập huấn, hội nghị chuyên đề, tuyên truyền trên cổng thông tin điện tử của Phòng Giáo dục và Đào tạo⁽⁴⁾.

- Nội dung tuyên truyền tập trung vào các nội dung: Thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực giáo dục và đào tạo; dịch vụ công trực tuyến; số hóa hồ sơ, cải tiến quy trình giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, nâng cao đạo đức công vụ và văn hóa ứng xử...

⁽²⁾ Năm 2024, Đoàn kiểm tra cải cách hành chính huyện đã kiểm tra công tác cải cách hành chính của Phòng GDĐT, qua kiểm tra đánh giá cao công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện của Phòng.

⁽³⁾ Kế hoạch số 18/KH-PGDĐT ngày 24/02/2022 về việc phát động phong trào thi đua “Đẩy mạnh cải cách hành chính trên địa bàn huyện Cát Hải giai đoạn 2021-2025” trong ngành Giáo dục và Đào tạo; Kế hoạch số 39/KH-PGDĐT ngày 08/4/2024 về việc tuyên truyền cải cách hành chính nhà nước ngành Giáo dục huyện Cát Hải năm 2024; Kế hoạch số 80/KH-PGDĐT ngày 07/10/2024 về việc phát động phong trào thi đua “Đẩy mạnh cải cách hành chính trên địa bàn huyện Cát Hải” năm 2024 trong Ngành Giáo dục huyện.

⁽⁴⁾ Tại đường link: <https://pgdcathai.haiphong.edu.vn/cong-khai-pctn/c/7706>.

4. Đánh giá chung về công tác triển khai

4.1. Mặt tích cực đạt được

Công tác cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025 luôn được lãnh đạo cơ quan xác định là một trong các nhiệm vụ chính trị trọng tâm của Phòng Giáo dục và Đào tạo. Đội ngũ công chức của cơ quan đã có chuyển biến tích cực về nhận thức, hành động và tích cực trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

4.2. Tồn tại, hạn chế

- Số lượng văn bản ký số của các trường học còn ít.
- Công tác tuyên truyền cải cách hành chính tại một số đơn vị trường học chưa được thường xuyên.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

- Hàng năm, Phòng Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Kế hoạch thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật. Tích cực tham gia và tham mưu Ủy ban nhân dân huyện đóng góp ý kiến vào các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Bộ, thành phố có liên quan đến công tác quản lý của ngành giáo dục, sát với điều kiện thực tế, sửa đổi cho phù hợp.

- Đã sửa đổi các nội dung, quy chế cho phù hợp: Quy chế làm việc, quy chế chi tiêu nội bộ... Trên trang thông tin điện tử của Phòng Giáo dục và Đào tạo thường xuyên đăng tải tin, bài, cập nhật các văn bản hướng dẫn các quy định mới của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Ngành để các tổ chức, cá nhân liên quan và công chức, viên chức và người lao động trong Ngành biết và thực hiện.

- Thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật, Phòng Giáo dục và Đào tạo ban hành các Văn bản chỉ đạo công tác phổ biến, giáo dục pháp luật với mục đích triển khai có hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật để nâng cao hiểu biết pháp luật cho công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị.

- Trong giai đoạn 2021-2025, Phòng Giáo dục và Đào tạo không tham mưu Ủy ban nhân dân huyện ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Cải cách thủ tục hành chính

- Hàng năm, Phòng Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Kế hoạch thực hiện công tác kiểm soát, rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

- Trong giai đoạn 2021 đến hết tháng 3/2025, Phòng Giáo dục và Đào tạo đã tham mưu Ủy ban nhân dân huyện ban hành các Văn bản chỉ đạo công khai danh mục thủ tục hành chính, cụ thể:

- + Năm 2021, tham mưu 01 văn bản;
- + Năm 2022, tham mưu 02 văn bản;
- + Năm 2023, tham mưu 01 văn bản;

+ Năm 2024, tham mưu 02 văn bản;

+ Năm 2025, tham mưu 03 văn bản.

- Thực hiện và chỉ đạo các đơn vị trường học trực thuộc thực hiện công khai, minh bạch tất cả các thủ tục hành chính bằng các hình thức thiết thực và thích hợp, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân khi liên hệ giải quyết các thủ tục hành chính (qua website, qua bảng tin,...). Hướng dẫn người dân quy trình giải quyết các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực giáo dục khi người dân đến tìm hiểu hoặc liên hệ giải quyết thủ tục hành chính. 100% các TTHC mức độ 4 được giải quyết trực tuyến thông qua Cổng dịch vụ công thành phố Hải Phòng.

- Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính và việc thực hiện quy định hành chính được thực hiện nghiêm túc. Thực hiện công khai đường dây nóng để tiếp nhận các phản ánh, kiến nghị liên quan đến lĩnh vực giáo dục (kể các phản ánh, kiến nghị về TTHC) trên Cổng thông tin điện tử của Phòng Giáo dục và Đào tạo. Trong giai đoạn 2021-2025, Phòng Giáo dục và Đào tạo không nhận được đơn thư phản ánh, kiến nghị của người dân về giải quyết TTHC.

- Hàng năm, Phòng Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức cho công chức ký cam kết không gây phiền hà, sách nhiễu, tiêu cực trong việc tiếp công dân, giải quyết các thủ tục hành chính có liên quan.

- Tính đến 31/3/2025, Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Phòng Giáo dục và Đào tạo tiếp nhận 66 hồ sơ; số hồ sơ đã giải quyết 66 hồ sơ. Cán bộ phụ trách công tác CCHC đã tiến hành rà soát hồ sơ thực hiện số hóa, lưu trữ trên môi trường điện tử, kết quả: 100% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính (tính đến 31/3/2025) đã được số hóa.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

- Thực hiện nghiêm túc số lượng người làm việc tại Phòng Giáo dục và Đào tạo, hiện tại đang thực hiện 07 biên chế/07 chỉ tiêu được giao (trong đó: 01 công chức biệt phái).

- Thực hiện nghiêm túc việc bố trí biên chế theo Đề án vị trí việc làm.

- Trong giai đoạn 2021-2025, Phòng Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với Phòng Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân huyện sáp nhập các đơn vị trường học theo đúng chỉ đạo⁽⁵⁾.

⁽⁵⁾ Quyết định số 1222/QĐ-UBND ngày 29/9/2022 về việc sáp nhập Trường TH và THCS Đồng Bài với Trường TH và THCS Nghĩa Lộ thành Trường TH và THCS Nghĩa Lộ, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng; Quyết định số 1223/QĐ-UBND ngày 29/9/2022 về việc sáp nhập Trường TH và THCS Võ Thị Sáu với Trường TH và THCS Hà Sen thành Trường TH và THCS Hà Sen, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng; Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 về việc sáp nhập Trường TH Việt Hải, Trường TH Chu Văn An vào Trường TH Nguyễn Văn Trỗi thành Trường TH Nguyễn Văn Trỗi, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng; Quyết định số 455/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 về việc sáp nhập Trường TH Đoàn Đức Thái với Trường THCS Thị trấn Cát Hải thành Trường TH và THCS Đoàn Đức Thái, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng; Quyết định số 456/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 về việc sáp nhập Trường Mầm non 3-2 thị trấn Cát Bà và Trường Mầm non Sơn Ca thành Trường Mầm non Sơn Ca, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Giai đoạn 2021-2025, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cát Hải đã làm tốt công tác tổ chức cán bộ. Bố trí công chức theo vị trí việc làm, chức năng nhiệm vụ và biên chế được giao của cơ quan, đảm bảo sắp xếp hợp lý nguồn nhân lực trên cơ sở bộ máy nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Thực hiện nghiêm Chi thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ, Chi thị số 21/CT-UBND ngày 26/9/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố và Chi thị số 09/CT-UBND ngày 07/10/2016 của Ủy ban nhân dân huyện về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước.

- Phối hợp Phòng Nội vụ:

+ Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, điều động bổ nhiệm cán bộ quản lý theo đúng quy định.

+ Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện tuyển dụng giáo viên theo đúng quy định, cụ thể:

TT	Năm	Số giáo viên tuyển dụng			Ghi chú
		Mầm non	Tiểu học	THCS	
1	2021	7	7	10	
2	2022	0	0	0	
3	2023	10	4	4	
4	2024	3	7	6	

- Thực hiện tốt các chế độ, chính sách về lao động, tiền lương, bảo hiểm, khen thưởng,...đối với công chức cơ quan. Tích cực tạo điều kiện cho công chức được tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, quản lý Nhà nước, chuyên môn nghiệp vụ kiến thức quốc phòng an ninh... nhằm chuẩn hóa đội ngũ công chức theo tiêu chuẩn, vị trí việc làm gắn với việc bố trí, sử dụng cán bộ đúng yêu cầu nhiệm vụ quản lý chuyên môn, nâng cao năng lực giải quyết công việc cho công chức, từng bước đào tạo đội ngũ công chức có trình độ năng lực, tác phong làm việc gần dân, hiểu dân, có trách nhiệm với dân. Thực hiện đúng quy chế văn hóa công sở, không hút thuốc lá, uống rượu, bia trong giờ làm việc.

5. Cải cách tài chính công

- Tiếp tục tổ chức thực hiện nghiêm Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế, kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

- Từ Phòng Giáo dục và Đào tạo đến các trường học đã xây dựng Quy chế chỉ tiêu nội bộ, ưu tiên kinh phí chi thường xuyên để tổ chức các hoạt động chuyên môn.

- Chỉ đạo các trường tiếp tục thực hiện tốt công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân; Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

- Thực hiện nghiêm túc Luật phòng, chống tham nhũng; Luật thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

6. Về xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

- Duy trì việc quản lý, chỉ đạo, điều hành, quản lý văn bản, trao đổi thông tin trên hệ thống Văn phòng điện tử HP-eoffice của huyện, của ngành. Việc đăng tải thông tin trên Cổng thông tin điện tử của ngành Giáo dục và Đào tạo được thực hiện có hiệu quả.

- Thực hiện việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Việt Nam ISO 9001: 2015 về lĩnh vực Giáo dục trên địa bàn huyện. Lồng ghép giữa việc thực hiện cải cách thủ tục hành chính với áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Việt Nam ISO 9001: 2015 và ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Duy trì việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, khai thác và truyền tải thông tin (phần mềm eNetViet, Cổng thông tin điện tử, Văn phòng điện tử HP-eoffice, phần mềm dạy học trực tuyến,...)

- Tỷ lệ hồ sơ được tiếp nhận, giải quyết qua dịch vụ công trực tuyến tăng đều qua từng năm, góp phần giảm áp lực cho Bộ phận một cửa và nâng cao sự hài lòng của người dân.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Những kết quả tích cực đã đạt được

Trong giai đoạn 2021-2025, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cát Hải đã triển khai có hiệu quả các nội dung cải cách hành chính theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030; Kế hoạch số 216/KH-UBND ngày 23/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2025 và Kế

hoạch số 241/KH-UBND của Ủy ban nhân dân huyện thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước huyện Cát Hải giai đoạn 2021 - 2025. Một số kết quả nổi bật gồm:

- Công tác cải cách hành chính được tăng cường, việc chỉ đạo, điều hành xây dựng và triển khai các văn bản quản lý nhà nước bám sát sự chỉ đạo của Huyện ủy, HĐND và UBND huyện.
- Triển khai công tác cải cách hành chính bám sát nội dung theo kế hoạch, kỷ luật, kỷ cương hành chính tại cơ quan được tăng cường, đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong công tác cải cách hành chính.
- Thường xuyên rà soát, cập nhật kịp thời thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế Một cửa công khai, minh bạch trong giải quyết thủ tục hành chính, các thủ tục hành chính đã giải quyết nhanh trả kết quả sớm cho tổ chức, cá nhân so với quy định.
- Chất lượng, trình độ đội ngũ công chức, viên chức được nâng lên rõ rệt, đáp ứng tốt yêu cầu đề ra.
- Tổ chức bộ máy kịp thời được củng cố, sắp xếp theo đúng quy định.
- Ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý góp phần tích cực vào việc giảm bớt phiền hà trong giải quyết công việc của tổ chức và doanh nghiệp.
- Thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý ngân sách được duy trì tốt; 100% các khoản thu chi tại các cơ sở giáo dục được công khai trên bảng tin, trang web nhà trường và một số hình thức khác.
- 100% văn bản được xử lý trên hệ thống quản lý văn bản điện tử; báo cáo chuyên môn, thống kê ngành được thực hiện qua phần mềm, giảm mạnh thời gian và nhân lực hành chính.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Công chức, viên chức phụ trách công tác tham mưu cải cách hành chính của cơ quan là kiêm nhiệm nên còn hạn chế trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ.

Công tác rà soát thủ tục hành chính đôi khi còn chậm do tập trung vào công việc chuyên môn nhiều.

3. Những bài học kinh nghiệm trong triển khai cải cách hành chính

- Sự chỉ đạo quyết liệt, sát sao của người đứng đầu và sự chủ động phối hợp của công chức cơ quan là yếu tố then chốt trong triển khai hiệu quả các nội dung cải cách hành chính.
- Làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ, chuyên môn cho công chức, viên chức.
- Làm tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân, doanh nghiệp cùng tham gia giám sát hoạt động giải quyết TTHC của cơ quan nhà nước, của đội ngũ công chức, viên chức để đảm bảo thực hiện đúng vai trò, chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, gắn với cải tiến quy trình nghiệp vụ là giải pháp căn cơ nhằm hiện đại hóa hành chính.

PHẦN THỨ HAI

ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2026-2030

Phát huy kết quả đạt được, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong giai đoạn 2021-2025, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cát Hải đề xuất phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm cải cách hành chính giai đoạn 2026-2030 như sau:

1. Về cải cách thể chế

- Chủ động tham mưu ban hành các văn bản quản lý giáo dục phù hợp với chủ trương đổi mới và yêu cầu thực tiễn.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến văn bản pháp luật đến cán bộ, giáo viên và người dân bằng hình thức linh hoạt, dễ tiếp cận.

2. Về cải cách thủ tục hành chính

- Rà soát, chuẩn hóa các thủ tục hành chính trong lĩnh vực giáo dục.

- Thúc đẩy việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ qua môi trường điện tử, đảm bảo 100% thủ tục đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4.

- Tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn (big data) vào quản lý và phục vụ người dân.

- Tiếp tục triển khai tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về TTHC.

3. Về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Rà soát, đánh giá toàn diện mô hình tổ chức của Phòng Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị trực thuộc để đề xuất phương án sắp xếp phù hợp với quy mô, đặc thù địa phương theo từng giai đoạn.

- Thực hiện đánh giá, cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức theo vị trí việc làm và năng lực thực tiễn.

- Xây dựng kế hoạch tinh giản biên chế có lộ trình, đảm bảo không gây xáo trộn đến hoạt động chuyên môn, nhất là tại các trường học vùng khó khăn.

- Đổi mới phong cách, tác phong làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo hướng chuyên nghiệp, minh bạch, phục vụ tốt nhất cho người dân và học sinh

4. Về cải cách chế độ công vụ

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng gắn với yêu cầu vị trí việc làm, nhất là các kỹ năng quản lý hiện đại, ứng dụng CNTT và chuyển đổi số.

- Tổ chức đánh giá cán bộ theo kết quả công việc, gắn với mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân.

- Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý có tư duy đổi mới, năng lực dẫn dắt và tinh thần phục vụ.

5. Về cải cách tài chính công

- Nâng cao mức độ tự chủ tài chính của các cơ sở giáo dục công lập theo quy định. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục theo nguyên tắc công khai, minh bạch, không để xảy ra tiêu cực. Tăng cường giám sát, kiểm tra việc sử dụng ngân sách; ưu tiên nguồn lực cho các chương trình đổi mới giáo dục, chuyển đổi số và phát triển giáo dục vùng khó khăn.

- Thường xuyên rà soát ban hành các quy định, định mức, quy chế nhằm công khai minh bạch các nguồn thu, chi đến từng công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan, đơn vị.

6. Về xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

- Triển khai đồng bộ các hệ thống thông tin quản lý ngành giáo dục; kết nối liên thông dữ liệu giữa các cấp quản lý và nhà trường. Phấn đấu 100% cán bộ, giáo viên sử dụng thành thạo các phần mềm quản lý chuyên ngành, khai thác hiệu quả các nền tảng số. Tiếp tục thực hiện tốt việc gửi nhận văn bản ký số trên trực liên thông văn bản.

- Lấy sự hài lòng của người học, phụ huynh và cộng đồng làm thước đo chất lượng dịch vụ hành chính công.

- Tăng cường công khai, minh bạch thông tin, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân tiếp cận dịch vụ giáo dục.

- Phát huy vai trò phản biện xã hội, tiếp thu ý kiến góp ý để không ngừng hoàn thiện chất lượng phục vụ.

PHẦN THỨ BA

NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị đối với thành phố và các cơ quan, tổ chức có liên quan: Không có.

2. Đề xuất các biện pháp tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát: Không có.

3. Những kiến nghị, đề xuất khác:

Xây dựng kho học liệu điện tử dùng chung cho toàn thành phố nhằm chia sẻ tài nguyên và giảm chi phí triển khai tại cơ sở.

Trên đây là báo cáo Sơ kết công tác cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2025 và phương hướng, nhiệm vụ cải cách hành chính ngành Giáo dục và Đào tạo Cát Hải giai đoạn 2026-2030./.

Nơi nhận:

- UBND huyện (báo cáo);
- Sở GD&ĐT (báo cáo);
- Các phòng: Nội vụ, Thanh tra, VP HĐND-UBND, Tư pháp, VH-KH&TT, TC-KH;
- LĐ, CV PGDĐT;
- Các đơn vị trường học;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG PHÒNG

Đoàn Mạnh Hùng

Phụ lục 01

Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính
 (Kèm theo Báo cáo số /BC-PGDDT ngày /5/2025 của Phòng GDĐT)

TT	Chỉ tiêu	Phòng Giáo dục và Đào tạo				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (Tính đến 31/3)
1	Số lượng văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (kết luận, chỉ thị công văn chỉ đạo, quán triệt)					
1.1	Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị, Thông báo của Ban Cán sự/Đảng ủy					
1.2	Quyết định, Chỉ thị, Kết luận, công văn chỉ đạo, quán triệt	1	1	1	1	1
2	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch CCHC năm					
2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	28	29	26	22	28
2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn hành	28	29	26	22	15
3	Kiểm tra CCHC					
3.1	Số đơn vị kiểm tra					
3.2	Tỷ lệ xử lý vấn đề qua kiểm tra					
3.3	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra					
3.4	Số vấn đề phát hiện đã được xử lý					
4	Tuyên truyền CCHC					
4.1	Tổ chức cuộc thi tìm hiểu CCHC (Có tổ chức = 1; Không tổ chức = 0)					
4.2	Số lượng bản tin chuyên đề CCHC trên các phương tiện thông tin					

TT	Chỉ tiêu	Phòng Giáo dục và Đào tạo				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (Tính đến 31/3)
4.3	Số lớp tập huấn chuyên đề CCHC					
4.4	Xây dựng chuyên mục CCHC trên Cổng TTĐT của tỉnh (<i>Có xây dựng = 1; Không xây dựng = 0</i>)					
4.5	Hình thức tuyên truyền CCHC khác (nếu có).					
5	Số lượng mô hình, sáng kiến CCHC được triển khai áp dụng					
6	Xây dựng, áp dụng bộ tiêu chí đánh giá CCHC các cơ quan, đơn vị					
6.1	Bộ tiêu chí đánh giá sở, ngành					
6.2	Bộ tiêu chí đánh giá UBND cấp huyện					
6.3	Bộ tiêu chí đánh giá UBND cấp xã					
6.4	Bộ tiêu chí đánh giá cơ quan ngành dọc tại địa phương					
7	Khảo sát sự hài lòng của người dân					
7.1	Số lượng phiếu khảo sát					
7.2	Hình thức khảo sát					
7.3	Mức độ hài lòng chung					
7.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành					

Phụ lục 2

Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính
 (Kèm theo Báo cáo số /BC-PGDĐT ngày /5/2025 của Phòng GDĐT)

STT	Nhiệm vụ/tiêu chí		Phòng Giáo dục và Đào tạo				
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (Tính đến 31/3)
1	Tổng số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) chủ trì soạn thảo đã được ban hành						
	Chia theo tên loại VBQPPL	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương					
		Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh					
		Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện					
		Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện					
		Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã					
		Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã					
2	Kiểm tra, xử lý VBQPPL						
2.1	Số VBQPPL đã kiểm tra thuộc thẩm quyền cấp tỉnh						
2.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra						
2.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra						
2.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong						
3	Rà soát VBQPPL						
3.1	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh						
3.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát						
3.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát						

STT	Nhiệm vụ/tiêu chí	Phòng Giáo dục và Đào tạo				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (Tính đến 31/3)
3.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong					
4	Số VBQPPL trái pháp luật về nội dung, thẩm quyền					
5	Số VBQPPL trái pháp luật về nội dung, thẩm quyền đã được xử lý					
6	Văn bản không phải là VBQPPL nhưng có chứa quy phạm pháp luật					

Phụ lục 3

Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính
 (Kèm theo Báo cáo số /BC-PGDĐT ngày /5/2025 của Phòng GDĐT)

STT	Chỉ tiêu	Phòng Giáo dục và Đào tạo				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (Tính đến 31/3)
1	Thống kê TTHC					
1.1	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa					
1.2	<i>Số TTHC công bố mới</i>	0	4	2	2	5
1.3	<i>Số TTHC bãi bỏ, thay thế</i>	0	3	0	4	20
1.4	<i>Số lượng TTHC cấp huyện</i>	35	36	38	36	36
1.4.1	<i>Số lượng TTHC cấp xã</i>	5	5	5	5	5
2	Số lượng thủ tục hành chính được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng/ Trang Thông tin điện tử	35	7	2	6	25
3	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông					
3.1	Số lượng TTHC thực hiện được giải quyết tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp sở, ngành					
3.2	Số lượng TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp huyện	8	25	12	5	16
3.3	Số lượng TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp xã					
3.4	Số TTHC liên thông cùng cấp					
3.5	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền					
3.6	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính					

STT	Chỉ tiêu	Phòng Giáo dục và Đào tạo				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (Tính đến 31/3)
4	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC					
4.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC cấp huyện giải quyết đúng hạn (đã tiếp nhận/đã trả đúng hạn)	100	100	100	100	100
4.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC cấp xã giải quyết đúng hạn (đã tiếp nhận/đã trả đúng hạn)					
5	Tiếp nhận và xử lý PAKN về TTHC					
5.1	Số lượng PAKN đã tiếp nhận trong năm	0	0	0	0	0
5.2	Số lượng PAKN đã giải quyết trong năm	0	0	0	0	0
5.3	Số lượng PAKN được xử lý và đã công khai kết quả trả lời trên Cổng TTĐT	0	0	0	0	0
6	Số hóa hồ sơ					
6.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC	100	100	100	100	100
6.2	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa					

Phụ lục 4**Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính***(Kèm theo Báo cáo số /BC-PGDĐT ngày /5/2025 của Phòng GDĐT)*

STT	Chỉ tiêu	Phòng Giáo dục và Đào tạo				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy					
1.1.	Số sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ					
1.2.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ					
1.3.	Số UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ					
1.4.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ					
1.5.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh					
1.6.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập					
2	Số liệu về biên chế công chức					
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	7	7	7	7	7
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	7	7	7	7	6
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính					
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong năm					
2.5.	Tỷ lệ % biên chế công chức đã tinh giản so với 2015					
3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập					
3.1	Tổng số người làm việc được giao					
3.2	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo					
3.3	Số người đã tinh giản trong năm					
3.4	Tỷ lệ % đã tinh giản so với 2015					

Phụ lục 5

Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính
 (Kèm theo Báo cáo số /BC-PGDĐT ngày /5/2025 của Phòng GDĐT)

STT	Chỉ tiêu	Phòng Giáo dục và Đào tạo				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (Tính đến 31/3)
1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức					
1.1	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	1	1	1	1	1
1.2	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định					
1.3	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra					
2	Tuyển dụng công chức, viên chức					
2.1	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	0	0	0	0	0
2.2	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	0	0	0	0	0
2.3	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.					
2.4	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).					
2.5	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.					
3	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	0	0	0	0	0
4	Số lượng CBCCVC bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).	0	0	0	0	0
4.1	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.					
4.2	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.					
4.3	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.					

STT	Chỉ tiêu	Phòng Giáo dục và Đào tạo				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (Tính đến 31/3)
4.4	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.					
5	Số lượng công chức được bồi dưỡng, tập huấn hằng năm	7	7	7	7	7
6	Số lượng viên chức được bồi dưỡng, tập huấn hằng năm					
7	Số lượng các lớp đào tạo, bồi dưỡng					

Phụ lục 7
Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính
(Kèm theo Báo cáo số /BC-PGDDT ngày /5/2025 của Phòng GDĐT)

STT	Chỉ tiêu	Phòng Giáo dục và Đào tạo				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (Tính đến 31/3)
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất					
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến					
	Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.					
	Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.					
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia					
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).					
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử					
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã					
5.1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh					
5.1.2	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh					
5.1.3	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.					
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).					
5.2.1	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh					
5.2.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện	100	100	100	100	100
5.2.3	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã					

STT	Chỉ tiêu	Phòng Giáo dục và Đào tạo				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (Tính đến 31/3)
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh					
5.3.1	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>					
5.3.2	<i>Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	100	100	100	100	100
5.3.3	<i>Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>					
6	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến					
6.1	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện					
6.1.1.	<i>Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình</i>					
6.1.2.	<i>Số lượng DVCTT toàn trình</i>					
6.2.	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	5	5	5	5	5
6.2.1	<i>Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)</i>	2	2	2	2	2
6.2.2.	<i>Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến</i>	2	2	2	2	2
6.3.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	24	24	24	24	24
6.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	24	24	24	24	24
6.5.1.	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)</i>	0	0	0	0	0
6.5.2.	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh</i>					